

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/HNGĐ-PT
Ngày: 21-12-2021
V/v “Chia tài sản sau khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thanh Thảo

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Nhân

Ông Lê Quang Ninh

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Lực - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Ông Lê Văn Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 11/2021/HNGĐ-PT ngày 31 tháng 5 năm 2021 về “Chia tài sản sau khi ly hôn”.

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 25/2021/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐXXPT-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Kim T, sinh năm 1971 (có mặt)

Bị đơn: Ông Ngô Văn T, sinh năm 1968 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Thạnh P, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

+ Người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Kim T ông Đào Văn T, sinh năm 1975; địa chỉ thường trú: 137 đường ĐX 025, tổ 15, khu phố 3, phường P M, thành phố D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên lạc: khu dân cư S xã K, huyện N, Thành Phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Ngô Thị T, sinh năm 1958 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Thạnh P, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Kim T trình bày:***

Tôi và ông Ngô Văn T sống chung như vợ chồng từ năm 1996 đến năm 2009 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước đến năm 2018, tôi và ông T ly hôn theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 257/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước. Sau khi ly hôn, tài sản tự thỏa thuận, tuy nhiên thửa đất tranh chấp hiện nay tọa lạc tại ấp 7, xã L1, huyện L, tỉnh Bình Phước (nay là Á P, xã L) có diện tích 7.200m² số vào sổ 1254 do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước cấp ngày 18/6/1997 đứng tên ông Ngô Văn T. Do tài sản trên đang thế chấp cho Ngân hàng nên không thỏa thuận phân chia phần tài sản này, sau khi tôi và ông T trả tiền cho Ngân hàng thì ông T lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về ông T không đồng ý chia phần tài sản này. Nguồn gốc đất do vợ chồng mua của ông Nguyễn Thiện P từ năm 1997, số tiền chuyển nhượng tôi không nhớ chính xác, chỉ nhớ khoảng 09 chỉ vàng 9999. Khi nhận chuyển nhượng có làm giấy viết tay do ông T viết, sau đó tôi, ông T và ông P có ký tên nhưng do thời gian đã lâu nên bị thất lạc. Khi đưa tiền thì Tôi và ông T trực tiếp đưa nhiều lần cho ông P. Sau khi mua đất thì vợ chồng tôi cho bà Ngô Thị Thlà chị ruột của ông T ở nhờ trên phần đất này để canh tác cho tới nay, bà Th có trồng một số cây ăn trái và điều. Đất hiện nay bà Th vẫn đang canh tác sử dụng. Nay tôi yêu cầu Tòa án chia $\frac{1}{2}$ tài sản trên.

**** Quá trình giải quyết vụ án ông Ngô Văn T trình bày:***

Tôi thống nhất với trình bày của bà Võ Kim T về việc vào năm 1996 tôi và bà T sống chung như vợ chồng, đến năm 2009 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện L N. Năm 2018 thì ly hôn theo Quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 257 ngày 28/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện L. Sau khi ly hôn thì bà T và tôi đã lập văn bản thỏa thuận chia tài sản. Nguồn gốc thửa đất hiện nay đang tranh chấp là năm 1997, ông Nguyễn Thiện P cho Tôi mượn đất để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp vay vốn ngân hàng làm ăn. Năm 1999, chị tôi là bà Ngô Thị Th bỏ tiền ra mua thửa đất trên, bà Th trực tiếp trả tiền đất cho ông P, do bà Th và tôi là chị em nên chưa làm thủ tục sang tên. Thửa đất có diện tích 7.200m² tọa lạc tại ấp 7, xã L1, huyện L, tỉnh Bình Phước (Nay là Á P, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước). Bà Th là người trực tiếp quản lý, canh tác, sử dụng thửa đất trên từ năm 1999 cho đến nay, tôi và bà T không có canh tác gì đối với thửa đất này, trên đất bà Th trồng điều và một số cây ăn trái. Ngoài ra không còn tài sản gì khác. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện tại do tôi đang quản lý, không cầm cố, thế chấp, mua bán, tặng cho gì cho ai. Nay bà T yêu cầu chia đôi diện tích thửa đất thì tôi không đồng ý vì thửa đất trên thuộc quyền sở hữu của bà Th, không có liên quan gì đến bà T và tôi.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Ngô Thị T trình bày:

Năm 1997, do nhu cầu vay vốn để sản xuất nên có cho em trai của tôi là ông T mượn đứng tên trên giấy CNQSDĐ, đến năm 1999 tôi mua lại đất trên để

canh tác, thửa đất có diện tích 7.200m², Số thửa 130 A, tờ bản đồ số 2 tọa lạc tại ấp 7, xã L1, huyện L N, tỉnh Bình Phước (Nay là Ấp P, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước) do vợ chồng tôi nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Nguyễn Thiện P, địa chỉ: Khu phố N, thị trấn L, huyện L vào năm 1999 với giá 01 cây 0,5 phân vàng 9999. Vợ chồng tôi là người trực tiếp giao vàng cho vợ chồng ông P tại nhà ông P. Việc mua bán giữa vợ chồng tôi và vợ chồng ông P có làm giấy mua bán viết tay, nhưng sau khi chồng của tôi chết thì đưa về quê và mang theo tất cả giấy tờ nên hiện nay giấy tay không còn giữ. Trên đất hiện nay có 1 số cây điều và cây ăn trái do tôi trồng. Thửa đất có một mặt giáp với suối, 01 mặt giáp với ông P, 2 mặt còn lại giáp với ông H và ông Điều N. Sau khi nhận chuyển nhượng đất thì vợ chồng tôi là người trực tiếp ở quản lý, canh tác thửa đất trên cho đến năm 2016 thì tôi về ở với con gái nhưng đất hiện nay tôi vẫn quản lý sử dụng. Tôi xác định đây là tài sản riêng của tôi, ông T chỉ đứng tên dùm để thuận tiện việc vay vốn ngân hàng. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, tôi không chấp nhận. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất có diện tích 7.200m², Số thửa 130 A, tờ bản đồ số 2 tọa lạc tại ấp 7, xã L1, huyện L, tỉnh Bình Phước (Nay là Ấp P, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước) đang đứng tên ông Ngô Văn T thì sẽ do chị em tôi tự thỏa thuận, tự sang tên, không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, người làm chứng - ông Nguyễn Thiện P trình bày:

Nguồn gốc thửa đất có diện tích 7.200m² tọa lạc tại ấp 7, xã L1, huyện L N, tỉnh Bình Phước (Nay là Ấp P, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước) này do vợ chồng tôi tự khai phá từ năm 1990, sử dụng đến năm 1997. Năm 1997, do ông T có nhu cầu vay vốn sản xuất thì vợ chồng tôi có cho ông Ngô Văn T đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay vốn ngân hàng. Việc ông T đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do vợ chồng tôi cho mượn để đứng tên chứ không mua bán gì. Vợ chồng tôi vẫn tiếp tục canh tác và quản lý đến năm 1999 thì chuyển nhượng lại thửa đất trên cho bà Ngô Thị Th với giá là 01 cây 0,5 phân vàng 9999. Sau đó bà Th là người trực tiếp quản lý, canh tác thửa đất trên cho đến nay. Tại thời điểm tôi cho ông T mượn đất để đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì Tôi không quen biết với bà T. Tôi xác định chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Th chứ không chuyển nhượng cho ông T và bà T, lý do Tôi không sang tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Th vì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang đứng tên ông T nên sẽ để ông T và bà Th tự thỏa thuận với nhau. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T thì Tôi đề nghị Tòa án giải quyết đúng theo quy định pháp luật.

Người làm chứng bà Đào Thị Tuyết M là vợ ông Nguyễn Thiện P vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình giải quyết vụ án thì Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bà M:

Bà M thống nhất với lời trình bày của ông P, vợ chồng bà không chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông T và bà T. Lời trình bày của bà T là không đúng. Đối với yêu cầu của bà T thì bà không có ý kiến gì.

Tại Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 25/2021/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện L đã quyết định:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.
- Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội.
- Điểm b khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ thửa đất tọa lạc tại ấp 7, xã L1, huyện L, tỉnh Bình Phước (nay là Ấp P, xã L) có diện tích 7.200m² số vào sổ 1254 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 18/6/1997 đứng tên ông Ngô Văn T.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và các chi phí tố tụng khác, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo, kháng nghị theo luật định.

Ngày 04 tháng 5 năm 2021, nguyên đơn bà Võ Kim T kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 25/2021/HNGĐ-ST ngày 16/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia đôi tài sản đối với thửa đất số 130A, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp 7, xã L1, huyện L, tỉnh Bình Phước (nay là Ấp P, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước).

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Võ Kim T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia đôi tài sản đối với thửa đất số 130A, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp 7, xã L1, huyện L, tỉnh Bình Phước (nay là Ấp P, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước).

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, phúc thẩm Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật TTDS 2015 không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Võ Kim T, giữ nguyên bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 25/2020/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Võ Kim T làm trong thời gian luật định, phù hợp với Điều 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật, nên cần xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bà Võ Kim T nhận thấy:

Theo trình bày của người đại diện của bà T thì năm 1996 bà T và ông T về sống chung một nhà, có tổ chức lễ cưới hỏi, được gia đình và nhiều người khác chứng kiến, năm 1997 hai người có con chung; vì vậy quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông T đã được xác lập kể từ ngày họ bắt đầu chung sống với nhau như vợ chồng, chứ không phải kể từ ngày đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, theo hướng dẫn của Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2011 hướng dẫn thi hành Luật HNGĐ tại điểm c Điều 3 của Thông tư hướng dẫn rõ “ *Kể từ sau ngày 01/01/2003 họ mới đăng ký kết hôn và sau đó một bên hoặc cả hai bên có yêu cầu ly hôn, thì Tòa án thụ lý vụ án và áp dụng quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết vụ án ly hôn theo thủ tục chung. Cần chú ý là trong trường hợp này, thì quan hệ vợ chồng của họ chỉ được công nhận là đã xác lập kể từ ngày họ đăng ký kết hôn.*” Bà T và ông T khai sống chung như vợ chồng từ tháng 12 năm 1996, đến năm 2009 mới đăng ký kết hôn. Như vậy quan hệ vợ chồng của họ được xác lập kể từ ngày đăng ký kết hôn là năm 2009 chứ không phải năm 1996.

Theo lời khai của ông T xác định, năm 1996 ông T có mượn đất của ông P để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đi vay Ngân hàng, thửa đất có diện tích 7.200m², số 130 A, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp 7, xã L1, huyện L, tỉnh Bình Phước (nay là Ấp P, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước). Đến năm 1999 bà Th là chị gái ông T nhận chuyển nhượng thửa đất trên từ ông P với giá 01 cây 05 phân vàng và bà Th canh tác trên đất từ đó cho tới nay. Lời khai này hoàn toàn phù hợp với lời khẳng định của vợ chồng ông P, bà Mai không có việc chuyển nhượng đất cho ông T hay bà T mà chỉ có chuyển nhượng đất cho bà Th.

Bà T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh trong khoảng thời gian từ năm 1996 đến năm 2009 (*từ khoảng thời gian chưa đăng ký kết hôn*) bà T và ông T có xác lập được khối tài sản chung cụ thể. Hơn nữa, tại văn bản thỏa thuận chia tài sản ngày 24/8/2018 và biên bản giao nhận tài sản ngày 29/8/2018 có xác nhận của UBND xã L, huyện L thì tài sản được thỏa thuận phân chia không thể hiện nội dung có tài sản phân chia là thửa đất nêu trên.

Từ phân tích trên, nhận thấy không căn cứ xác định thửa đất có diện tích 7.200m², số thửa 130 A, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp 7, xã L1, huyện L, tỉnh Bình Phước (Nay là Ấp P, xã L T, huyện L, tỉnh Bình Phước), do Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 18/6/1997 đứng tên ông Ngô Văn T là tài sản chung của bà T và ông T nên kháng cáo của bà T yêu cầu chia ½ tài sản trên là không có căn cứ chấp nhận, cần giữ nguyên Bản án

HNGĐ sơ thẩm số 25/2021/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước.

[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Do kháng cáo không được Hội đồng xét xử chấp nhận nên nguyên đơn bà Võ Kim T phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Võ Kim T.

Giữ nguyên Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 25/2021/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

- Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội.

- Điểm b khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ;

1/. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ thửa đất tọa lạc tại ấp 7, xã L1, huyện L, tỉnh Bình Phước (nay là Ấp P, xã L) có diện tích 7.200m² số vào sổ 1254 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 18/6/1997 đứng tên ông Ngô Văn T.

2/. Về chi phí tố tụng: Căn cứ Điều 157 và Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Võ Kim T phải chịu số tiền 2.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ được khấu trừ số tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc theo biên lai thu tạm ứng số 66 ngày 30/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện L và số tiền 2.000.000 đồng chi phí định giá tài sản được khấu trừ số tiền tạm ứng chi phí định giá theo biên lai số 96 ngày 24/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện L.

3/. Về án phí:

Bà Võ Kim T phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 8.990.000đ (tám triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L theo biên lai thu tiền số 0000953 ngày 01/6/2020. Sau khi khấu trừ, bà T phải tiếp tục chịu án phí là 3.990.000đ (Ba triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng).

Ông T và bà Th không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5/. Về án phí phúc thẩm:

Bà Võ Kim T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân phúc thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số: 019700 ngày 11/5/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bình Phước.

6. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa GD & NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Thanh Thảo